

SỰ SỤP ĐỔ CỦA LIÊN XÔ – NGUYÊN NHÂN TRỰC TIẾP VÀ BÀI HỌC RÚT RA

Nguyễn Thị Hồng Nhung*

Trường Chính trị tỉnh Phú Yên

Ngày nhận bài: 26/05/2020; ngày nhận đăng: 08/06/2020

Tóm tắt

Sau hơn bảy thập niên tồn tại và phát triển, vào cuối năm 1991, Liên bang Xô viết chính thức sụp đổ. Sự sụp đổ của Liên Xô đã tạo nên “con chấn động” chính trị lớn nhất trong lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Bài báo đề cập nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự sụp đổ của Liên Xô và bài học rút ra cho các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay, trong đó có Việt Nam.

Từ khóa: Đảng Cộng sản Liên Xô, cải tổ, Chủ nghĩa xã hội

1. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự sụp đổ của Liên Xô

1.1. Ban lãnh đạo Liên Xô đã phạm nhiều sai lầm trong quá trình cải tổ đất nước

Đầu những năm 1980, đất nước Liên Xô lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy thoái cả về kinh tế lẫn chính trị. Trình độ kỹ thuật, chất lượng sản phẩm ngày càng sút kém so với các nước phương Tây, đời sống chính trị có những diễn biến phức tạp, xuất hiện tư tưởng và một số nhóm đối lập chống lại Đảng Cộng sản và nhà nước Xô viết.

Trước tình hình đó, vào tháng 3/1985, Ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô, đứng đầu là Gorbachev đã tiến hành công cuộc cải tổ đất nước nhằm đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng và xây dựng Chủ nghĩa xã hội (CNXH) dân chủ, nhân văn đúng như bản chất của nó. Đây là chủ trương hoàn toàn đúng nhưng trong quá trình thực hiện công cuộc cải tổ, các nhà lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô đã mắc phải nhiều sai lầm nghiêm trọng trong

bước đi, biện pháp thực hiện. Cụ thể như:

Trên lĩnh vực kinh tế, vì chủ quan cho rằng đất nước mình có nguồn tài nguyên thiên nhiên vô tận, do vậy chủ yếu phát triển kinh tế theo chiều rộng, chậm phát triển khoa học kỹ thuật làm cho Liên Xô trở nên lạc hậu so với các nước phương Tây và Mỹ. Đồng thời, việc chuyển sang nền kinh tế thị trường quá vội vã và thiếu sự điều tiết của nhà nước, đã làm cho nền kinh tế đất nước không thoát khỏi khủng hoảng mà càng thêm rối loạn và trầm trọng.

Đặc biệt, càng sai lầm hơn nữa, khi Ban lãnh đạo Liên Xô, đứng đầu là Gorbachev cho rằng nguyên nhân chính gây nên tình trạng khó khăn về kinh tế là ở hệ thống chính trị. Vì vậy, Ban lãnh đạo quyết định cải tổ trên lĩnh vực chính trị.

Gorbachev đã sai lầm lớn trong đường lối sử dụng cán bộ và tổ chức mà biểu hiện nổi bật nhất, đó là chủ trương lựa chọn cán bộ dựa vào thái độ của họ với cải tổ mà không quan tâm đến năng lực thực tế của họ. Lên nắm quyền mới hơn nửa năm, Gorbachev đã cải tổ Bộ Chính trị và Ban Bí thư, cách chức 2 người, bổ sung 8 người vào các vị trí ủy viên chính thức, ủy viên

* Email: hongnhung.tctpy@gmail.com

dự khuyết; đồng thời, cách chức thay thế hơn 20 bộ trưởng và hàng chục lãnh đạo cấp bộ trong Hội đồng Bộ trưởng và các ban đảng. Chỉ trong vòng mấy năm, có đến 92,5% trong 150 bí thư khu ủy, thành ủy, tỉnh ủy bị thay đổi (Hà Mỹ Hương, 2006).

Điều này đã gây nên sự bất mãn trong đội ngũ cán bộ của Liên Xô, hiện tượng xây dựng ê kíp, kéo bè kéo cánh,... ngày càng trở nên phổ biến; đồng thời đây là điều kiện tốt cho những phần tử cơ hội, xét lại, hữu khuynh len lỏi vào nắm giữ các chức vụ lãnh đạo then chốt trong Đảng và Nhà nước.

Một sai lầm khác là vào tháng 2/1990, Hội nghị toàn thể Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô đã họp và tán thành việc xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô đối với toàn xã hội trong Điều 6 của Hiến pháp Liên Xô.

Từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô đối với toàn xã hội, điều này đồng nghĩa với việc Liên Xô chính thức đặt nền móng thực hiện chế độ đa nguyên, đa đảng, tạo cơ sở pháp lý cho các lực lượng chống CNXH ở trong nước vào nắm quyền, đưa đất nước đi chệch khỏi quỹ đạo CNXH. Đây là sai lầm nghiêm trọng nhất, trực tiếp quyết định sự thất bại của cải tổ cũng như sự sụp đổ của Liên Xô.

1.2. Sự chống phá của các thế lực thù địch bên ngoài, đứng đầu là Mỹ

Trên lĩnh vực tư tưởng, Mỹ và các nước phương Tây tìm mọi cách nhằm loại bỏ vai trò thống trị của tư tưởng Mác - Lênin trên đất nước Xô Viết, đồng thời truyền bá hệ tư tưởng tư sản, lối sống phương Tây vào Liên Xô. Để thực hiện mục đích trên, Mỹ và phương Tây đã sử dụng hệ thống phương tiện thông tin hiện đại, sử dụng giao lưu văn hóa, khoa học kỹ thuật ... với nội dung chống cộng, xuyên tạc

chủ nghĩa Mác - Lênin, truyền bá ý thức hệ tư sản. Một bộ máy thông tin đại chúng đồ sộ được sử dụng vì mục đích này. Cơ quan thông tin đối ngoại của Mỹ có 8.758 nhân viên, xuất bản 12 tạp chí bằng 27 thứ tiếng, 5 triệu cuốn sách bằng 25 thứ tiếng từ phương Tây nhằm vào các nước xã hội chủ nghĩa (XHCH). Các đài phát thanh bằng hàng chục thứ tiếng ngày đêm xuyên tạc và bôi đen chủ nghĩa Mác - Lênin. Tất cả tạo thành làn sóng chống cộng bao trùm lên đất nước Xô viết. N.Đotso, Phó Trưởng đài VOA đã viết: *“Chúng ta cần phá hoại sự ổn định của Liên Xô và các nước vệ tinh, làm nảy sinh sự bất hòa giữa nhân dân và chính phủ của họ... chúng ta cần hết sức cố gắng khoét sâu những rạn nứt giữa những người lãnh đạo của tập đoàn Cộng sản khiến cho họ bất mãn và nghi ngờ lẫn nhau”* (Hoàng Chí Bảo, 1991).

Đồng thời, Mỹ và phương Tây dùng thủ đoạn kinh tế ép Gorbachev cải tổ theo hướng của chúng. Những khó khăn trong những năm cuối của cải tổ đã buộc Gorbachev phải có những việc làm theo ý Mỹ để nhận được những khoản viện trợ nhỏ.

Gorbachev đã phải cải tổ thể chế chính trị theo hướng thực hiện chủ nghĩa đa nguyên chính trị. Tổng thống Mỹ Bush đã tuyên bố: *“Phải đi đến một chủ nghĩa đa nguyên chính trị bền vững và tôn trọng quyền con người, phải biến Liên Xô thành Liên bang các nước cộng hòa độc lập. Tách các nước cộng hòa vùng Ban tích khỏi Liên Xô thành những nước độc lập và dân chủ, làm cầu nối Liên Xô với phương Tây”* (Hoàng Chí Bảo, 1991).

Trong lĩnh vực kinh tế: Gorbachev phải cải cách theo hướng phát triển kinh tế thị trường tự do tư bản, phải tư nhân hóa nền kinh tế Liên Xô. Và *“trước khi kinh tế Liên Xô biến thành kinh tế thị trường, nước*

Mỹ chỉ có thể giúp đỡ kỹ thuật cho họ”... Chỉ sau khi Mạc Tư Khoa nỗ lực làm cải cách triệt để, nước Mỹ mới có thể cho Liên Xô vay, hàng triệu đô la, nếu không có cải cách trên sẽ coi như vứt đi” (Hoàng Chí Bảo, 1991).

Trong lĩnh vực đối ngoại, Gorbachev phải từ bỏ các cam kết quốc tế ủng hộ phong trào cách mạng, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, rút quân khỏi vị trí then chốt...

Với tất cả các thủ đoạn đó, các thế lực thù địch đã đạt được mục đích của mình - đẩy Liên Xô đến bờ vực thẳm.

2. Một số bài học kinh nghiệm rút ra

Từ sự sụp đổ và tan rã của Liên Xô, chúng ta có thể rút ra được một số bài học kinh nghiệm cho các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay, trong đó có Việt Nam.

2.1. Các nước XHCN trong quá trình đổi mới, cải cách, cải tổ cần phải giữ vững mục tiêu CNXH

CNXH là không ngừng đổi mới, sáng tạo và không thể áp dụng rập khuôn máy móc cho một nước nào. Nó phải được bổ sung, phát triển phù hợp với từng nước trong từng thời kỳ nhất định. Lịch sử là sự phát triển. Không nắm vững nguyên lý phát triển có nghĩa là tự đào thải và sụp đổ. Tiến hành cải tổ, cải cách, đổi mới là tất yếu lịch sử của CNXH. Nhưng không có nghĩa là cải hướng, triệt phá những cái XHCN vốn có. Cải cách phải dựa trên nguyên lý chủ nghĩa Mác – Lênin, giữ vững định hướng CNXH, vận dụng trong điều kiện hoàn cảnh lịch sử mới. Có như vậy, công cuộc cải cách, cải tổ, đổi mới không bị chệch hướng.

Từ bài học kinh nghiệm trên, trong suốt gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định với con đường mà lịch sử, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa

chọn: độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội, bất chấp sự chống phá của các thế lực thù địch, bất chấp sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.

Nhiệm vụ xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN nghĩa luôn được thẩm nhuần trong tư tưởng và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân Việt Nam; trở thành bài học đầu tiên được Đảng rút ra tại Đại hội lần thứ VII (1991), đó là: “Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH. Đó là bài học xuyên suốt trong quá trình cách mạng nước ta” (Văn kiện Đảng Toàn tập, 2007).

Tiếp đó, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII nhấn mạnh: “Con đường đi lên CNXH ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn. Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng XHCN” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, 1996).

Đại hội Đảng lần thứ IX cũng tiếp tục khẳng định: “Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường XHCN trên nền tảng chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, 2001).

Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ X (2006) của Đảng khẳng định nhận thức lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam ngày càng sáng tỏ hơn với 8 đặc trưng cơ bản; đồng thời, nhấn mạnh bài học số một là: Trong quá trình đổi mới, phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) tại Đại hội XI của Đảng (2011) đã rút ra 5 bài học cơ bản và

tiếp tục nhấn mạnh bài học đầu tiên như đã nêu trong các văn kiện đại hội; đồng thời, khẳng định: “Đi lên CNXH là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, 2011). Cương lĩnh nêu những nội dung cơ bản của con đường quá độ lên CNXH ở nước ta; bổ sung, phát triển những đặc trưng của xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng với 8 đặc trưng cơ bản, 8 phương hướng cơ bản và những mối quan hệ lớn cần phải nắm vững và giải quyết tốt trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Điều đó cũng khẳng định rằng, chỉ có CNXH mới bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc và là hai mặt không thể tách rời của con đường phát triển đất nước, hướng tới mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Đại hội lần thứ XII của Đảng một lần nữa tiếp tục khẳng định chắc chắn rằng: “Con đường đi lên CNXH của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, 2016).

Như vậy, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, dù trong hoàn cảnh khó khăn, thử thách nào, Đảng ta vẫn luôn kiên định độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Đây là sự lựa chọn kiên quyết và đúng đắn, là sự kiên định và sáng tạo của Đảng ta dưới ánh sáng của Chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2. Cần phải thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch vững mạnh, đoàn kết thống nhất cao

Từ sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô, chúng ta có thể thấy rằng: Thắng hay bại của CNXH hoàn toàn

không phải do những nguyên nhân xuất phát từ bản chất của chủ nghĩa xã hội mà phụ thuộc vào tính đúng sai của đường lối đổi mới, cải cách CNXH. Trong những điều kiện cụ thể của đất nước XHCN, với việc kiên trì giữ vững nguyên tắc cơ bản của học thuyết Mác Lê nin, với những bước đi cải cách hợp lý, thận trọng, với việc xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong quá trình cải cách, đổi mới, CNXH hoàn toàn có khả năng đổi mới và thoát khỏi khủng hoảng đi lên chứ không phải là “đưa con chết yểu” của lịch sử. CNXH chỉ thất bại ở những nơi mà lãnh đạo mắc phải những sai lầm to lớn trong đường lối phát triển của đất nước. Do vậy, việc thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch vững mạnh, đoàn kết có vai trò hết sức quan trọng – Đó là cội nguồn sức mạnh để Đảng có đủ năng lực đề ra được chủ trương, đường lối đúng đắn, tập hợp và phát huy sức mạnh của nhân dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đồng thời, thông qua đó, Đảng càng khẳng định và phát huy vai trò lãnh đạo của mình.

Nhận thức được điều này, trên cương vị là một Đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng, xem đây là nhiệm vụ then chốt, quyết định đến sức mạnh, uy tín của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận, chỉ thị về xây dựng Đảng, trong đó điển hình như: Nghị quyết Trung ương sáu (lần 2) khóa VIII “Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay”, Nghị quyết Trung ương bốn khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, Nghị quyết Trung ương bốn khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng

chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”.

Việc thực hiện các nghị quyết về xây dựng Đảng đã mang lại những kết quả tích cực, nhiều mặt công tác xây dựng Đảng được đẩy mạnh và có chuyển biến mạnh mẽ, đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi một bước những tiêu cực, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; việc thực hiện trách nhiệm nêu gương và chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên được triển khai tương đối đồng bộ ở các cấp. Nhiều cán bộ, đảng viên đã đề cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống; gương mẫu đi đầu, tận tụy với công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15-5-2016, của Bộ Chính trị đã trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; đã có nhiều mô hình hay, cách làm mới, sáng tạo đem lại hiệu quả thiết thực. Các cấp ủy, tổ chức đảng coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo sơ kết, tổng kết, tuyên truyền, nhân rộng những điển hình tiên tiến, tấm gương “người tốt, việc tốt” bằng nhiều hình thức phong phú, có tác dụng lan tỏa trong Đảng và trong xã hội. Bên cạnh đó, việc xử lý kỷ luật nghiêm minh những đảng viên vi phạm, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, cả cán bộ đương chức và nghỉ hưu đã giúp mỗi cán bộ, đảng viên tự soi, tự sửa, tự điều chỉnh hành vi, tích cực rèn luyện đạo đức, lối sống, tác phong công tác. Những kết quả nổi bật nêu trên đã góp phần quan trọng làm cho Đảng ta đoàn kết hơn, vững mạnh hơn, trong sạch hơn và niềm tin của nhân dân đối với Đảng được tăng cường hơn; tạo

nền tảng, tiền đề vững chắc đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững.

2.3. Cần xây dựng và thực hiện tốt chiến lược công tác cán bộ, nhất là lựa chọn và bố trí những cán bộ chủ chốt, bảo đảm thực sự vững vàng và tin cậy về chính trị

Sự thành công hay thất bại của công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước phụ thuộc rất lớn vào đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý. V.I.Lênin đã từng nói: “Trong lịch sử, chưa hề có một giai cấp nào giành được quyền thống trị, nếu nó không đào tạo ra được trong hàng ngũ của mình những lãnh tụ chính trị, những đại biểu tiên phong có đủ khả năng tổ chức và lãnh đạo phong trào” (V.I.Lênin, 1974).

Thực tế với cách lựa chọn, bố trí cán bộ như Liên Xô trước đây đã cho thấy, nếu cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược mà phạm sai lầm, thoái hoá về chính trị và đạo đức có thể làm tan rã Đảng và sụp đổ chế độ, đẩy đất nước vào thảm họa khó lường. Nhưng khi có những cán bộ cấp chiến lược giỏi tổ chức hoạt động thực tiễn, biết vận dụng đường lối, chính sách một cách sáng tạo, phù hợp với điều kiện cụ thể khác nhau ở từng nơi, từng lúc sẽ là nhân tố quyết định đến thắng lợi. Chỉ có như vậy mọi đường lối, chủ trương của Đảng mới được đưa vào cuộc sống, trở thành hiện thực. Do đó, việc xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược có đầy đủ phẩm chất trí tuệ và tài năng là sự nghiệp cấp thiết của toàn Đảng, toàn dân. Đây cũng là bài học kinh nghiệm quan trọng rút ra từ sự đổ của Đảng Cộng sản Liên Xô đối với các Đảng Cộng sản đang cầm quyền hiện nay trong đó có Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đối với Việt Nam, trong suốt quá trình lãnh đạo đất nước từ Đại hội VI (1986) của Đảng đến nay, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư các khoá đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế,... về công

tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ, trong đó đặc biệt là Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 18-6-1997, về “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” và gần đây là Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19-5-2018, về “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” - đây là một nghị quyết hết sức quan trọng về công tác cán bộ - một vấn đề vừa cơ bản vừa cấp thiết - là một trong những nhiệm vụ chính yếu trong công tác xây dựng Đảng hiện nay.

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, việc xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của các thế hệ đi trước cùng với sự quan tâm đặc biệt của Đảng, số đông trong đội ngũ cán bộ cấp chiến lược qua gần 35 năm đổi mới đều có lập trường tư tưởng và bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, lối sống giản dị, gương mẫu; có ý thức rèn luyện, phấn đấu, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao; nhiều cán bộ năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh với nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Đa số cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở các cấp có phẩm chất, năng lực và uy tín, nhất là cán bộ cấp chiến lược có tư duy đổi mới, có khả năng hoạch định đường lối, chính sách và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt.

Chính đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược có chất lượng cao là nhân tố quan trọng làm nên thành công của đất nước ta qua gần 35 năm tiến hành đổi mới.

2.4. Xây dựng nền kinh tế ổn định và phát triển vững chắc, giữ được độc lập tự chủ

và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền và sự quản lý điều hành của Nhà nước đối với nền kinh tế

Sự ổn định và phát triển vững chắc của nền kinh tế là nền tảng vật chất bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước. Khi kinh tế lâm vào khủng hoảng và suy thoái, đất nước dễ lâm vào mất ổn định chính trị, tạo điều kiện cho các thế lực thù địch lôi kéo và kích động nhân dân chống lại đảng cầm quyền và chính quyền đương nhiệm, làm chuyển hóa chế độ xã hội theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Cần giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế, bảo đảm đúng định hướng phát triển của quốc gia, không để cho bất kỳ một thế lực nào điều khiển và thao túng nền kinh tế. Cần duy trì được tốc độ tăng trưởng hợp lý và ổn định, phát huy tốt năng lực nội sinh, tạo được nhiều việc làm và tăng thu nhập của người dân, bảo đảm công bằng xã hội và an sinh xã hội, tạo cơ sở vật chất để đất nước ổn định và phát triển bền vững.

Từ năm 1986 cho đến nay, Việt Nam áp dụng mô hình nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, mở cửa, hội nhập với khu vực và quốc tế, nhờ đó sức sản xuất trong nước được giải phóng, các thành phần kinh tế phát triển, đầu tư trực tiếp nước ngoài ngày càng tăng. Nhu cầu tiêu thụ, trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế không ngừng mở rộng. Nếu năm 1986 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu mới đạt 2.944 triệu USD, thì năm 2019 (tức là sau 33 năm) tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước đạt 514 tỷ USD, tăng hơn 170 lần so với thời điểm bắt đầu đổi mới.

Với mục tiêu định hướng XHCN, Đảng ta luôn thống nhất quan điểm tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với tiến bộ và

công bằng xã hội. Do đó, các vấn đề về an sinh xã hội cơ bản được đảm bảo, hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi cho mọi người đều phát triển khá đồng bộ và ngày càng được cải thiện. Bên cạnh đó, Việt Nam có môi trường thương mại tự do với các nước trên thế giới về quy mô thương mại, GDP. Có được sự công nhận rộng rãi của trên 185 nước trên thế giới, hàng Việt Nam xuất khẩu đi trên 200 nước.

Có thể nói đổi mới tư duy kinh tế về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta; nhờ đó, qua gần 35 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về mọi mặt như chính trị, kinh tế, an ninh quốc phòng, tăng cường vai trò uy tín nước ta trên trường quốc tế, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh.

2.5. Đấu tranh phòng chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch

“Diễn biến hòa bình” là thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tiến hành nhằm lật đổ chế độ chính trị của các nước tiến bộ, trước hết là các nước xã hội chủ nghĩa từ bên trong bằng biện pháp phi quân sự.

Với thủ đoạn này, các thế lực thù địch, đứng đầu là Mỹ đã từng bước khống chế được Ban lãnh đạo Liên Xô và buộc Liên Xô phải vận hành theo ý muốn của chúng.

Do vậy, một bài học nữa rút ra từ sự sụp đổ của Liên Xô, đó chính là các nước xã hội chủ nghĩa muốn tồn tại và phát triển, giữ vững được nền độc lập của dân tộc cũng như định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội thì cần phải coi trọng việc phòng chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của

các thế lực thù địch trên tất cả các mặt trận: chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng, ngoại giao....; đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới diễn ra ngày một sâu rộng hiện nay, thì vấn đề này cần phải được quan tâm nhiều hơn nữa.

Ý thức được điều này, trong suốt quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch là là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đồng thời là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài gắn chặt với thời kỳ quá độ lên CNXH, được thể hiện qua các kỳ đại hội và các hội nghị Trung ương kể từ khi Đảng khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới (1986) đến nay.

Sau khi chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, tại Hội nghị Trung ương ba khóa VII, Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: “Nâng cao cảnh giác cách mạng, chống “diễn biến hòa bình”. Vạch trần những âm mưu thâm độc và những luận điệu chiến tranh tâm lý. Quản lý chặt chẽ các cuộc hội thảo, các dịch vụ thông tin, ngăn chặn việc lợi dụng diễn đàn và các cơ hội để thu thập tin tức tình báo, truyền bá các quan điểm thù địch và lối sống tư sản” (Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới, 2005). Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng xác định 4 nguy cơ đối với cách mạng Việt Nam, trong đó có nguy cơ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Hội nghị Trung ương 8 khóa IX, Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: “Ngăn chặn, đẩy lùi mưu toan “diễn biến hòa bình”, nguy cơ can thiệp quân sự và xung đột vũ trang, xâm hại chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta”.

Đại hội lần thứ XI của Đảng chỉ rõ: “Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, 2011). Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới khẳng định: “Chủ động đấu tranh với âm mưu, hoạt động “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Không để hình thành tổ chức chính trị đối lập dưới bất kỳ hình thức nào”. Đại hội lần thứ XII của Đảng xác định 4 nguy cơ vẫn tồn tại, “có mặt diễn biến phức tạp như tham nhũng, lãng phí, “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch với những thủ đoạn mới, nhất là triệt để sử dụng các phương tiện truyền thông trên mạng internet để chống phá ta và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, 2016).

Những quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về lãnh đạo công tác đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động

“diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch tiếp tục được khẳng định, bổ sung, hoàn thiện trong văn kiện Đảng qua các kỳ đại hội, hội nghị Trung ương ở các khóa tiếp theo.

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Đảng ta, công tác đấu tranh phòng, chống “diễn biến hoà bình” thời gian qua đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần to lớn vào sự nghiệp sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sự sụp đổ của Liên Xô đã gây nên “cú sốc” quá lớn cho cả thế giới – Tổng thống Nga V.Putin coi đây là “thảm họa địa- chính trị khủng khiếp nhất thế kỷ XX”. Sự sụp đổ này đã biến Liên Xô từ một đất nước hùng mạnh, vốn là mơ ước của nhiều nước trên thế giới giờ chỉ còn là ký ức được nhắc đến trong sự tiếc nuối của nhiều người. Do đó, việc tìm hiểu nguyên nhân trực tiếp cũng như một số bài học đau đớn rút ra từ sự sụp đổ của Liên Xô có ý nghĩa rất to lớn đối với tiến trình phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay, trong đó có Việt Nam□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương. (2003). *Tài liệu học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (1996). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2001). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2005). *Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2007). *Văn kiện Đảng Toàn tập*. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Chính trị quốc gia - Sự thật. Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Chính trị quốc gia - Sự thật. Hà Nội.

Hà Mỹ Hương. (2006). *Nước Nga trên trường quốc tế, hôm qua, hôm nay và ngày mai*. Nxb CTQG. Hà Nội.

Hoàng Chí Bảo. (1991). *Chủ nghĩa xã hội - dân chủ, huyền thoại và bi kịch*. Nxb Sự Thật. Hà Nội.

V.I.Lênin. (1974). *Toàn tập*. tập 4. Nxb. Tiến bộ, Mátxcova.

Collapse of the Soviet Union-direct causes and lessons to be learned

Nguyen Thi Hong Nhung

Phu Yen political school

Email: hongnhung.tctpy@gmail.com

Received: May 26, 2020; Accepted: June 08, 2020

Abstract

After more than seven decades of existence and development, at the end of 1991, the Soviet Union officially collapsed. Such a collapse of the Soviet Union created the biggest political “shock” in the communist movement and international workers. So what is the direct cause of the collapse of the Soviet Union and what lesson should be learned for the socialist countries today, including Viet Nam.

Keywords: *Soviet Communist Party, Perestroika, Socialism*